

Số: /GPMT-STNMT Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi ngày 29 tháng 5 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3365/TTr-CCBVMT ngày 11 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi, địa chỉ trụ sở chính tại ô 25-26, Lô B, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Chung cư Thuận Giao tại tổ 3, khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Chung cư Thuận Giao.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại tổ 3, khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh

ng nghiệp 3702134666 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 9 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3702134666.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng khu chung cư cao tầng có chức năng ở kết hợp thương mại dịch vụ, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng để kết nối với khu vực xung quanh.

1.6. Công văn chấp thuận chủ trương đầu tư số 3042/UBND-KT ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.7. Quyết định số 786/QĐ-STNMT ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Thuận Giao của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.8.1. Phạm vi: Tổng diện tích dự án 10.089,9 m², trong đó:

+ Đất xây dựng công trình: 5.424,4 m².

+ Đất giao thông: 2.647,1 m².

+ Đất cây xanh: 2.018,4 m².

1.8.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 01 tầng hầm chung, 01 tầng tum, 29 tầng nổi (gồm 02 khối tháp, chung 01 khối đế (từ tầng 01 đến tầng 03)), 1.802 căn hộ, dân số khoảng 2.819 người. Tổng diện tích sàn xây dựng: 121.926,4m², trong đó: Tổng diện tích sàn xây dựng các tầng trên mặt đất: 112.951m²; tổng diện tích sàn xây dựng tầng hầm: 8.975,7m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, đầu nổi nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý sơ bộ trước khi đầu nổi vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị tập trung; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Chung cư Thuận Giao tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Thuận An;
- UBND phường Thuận Giao;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, My5.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-TSTNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Thuận An, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của nhà vệ sinh tại các căn hộ, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ, khu sinh hoạt cộng đồng với lưu lượng 88,32 m³/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC DN100 mm, DN125 mm, DN200 mm => Bể tự hoại => Ngăn bơm.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ nấu ăn, tắm giặt, bồn rửa chén,... tại các căn hộ, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ, khu sinh hoạt cộng đồng với lưu lượng 353,27 m³/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC DN50 mm, DN80 mm DN100 mm, DN250 mm => Bể tách dầu mỡ => Ngăn bơm.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh hồ bơi với lưu lượng 9,3 m³/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC DN100 mm => Ngăn bơm.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ vệ sinh nhà chứa rác và phòng rác với lưu lượng 7 m³/ngày. Nước thải phát sinh từ vệ sinh nhà chứa rác được thu gom bằng mương B200 mm và nước thải phát sinh từ vệ sinh phòng rác => Ống PVC D80 mm => Bể tách dầu mỡ => Ngăn bơm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Bể xử lý nước thải sơ bộ tháp A có tổng thể tích 311 m³, gồm 5 ngăn: Ngăn chứa (thể tích 124 m³), ngăn lắng 1 (thể tích 57 m³), ngăn lắng 2 (thể tích 87 m³) (bể tự hoại), ngăn (bể) tách dầu mỡ (thể tích 26 m³), ngăn bơm (thể tích 17 m³, gồm 2 bơm chìm công suất mỗi bơm 30 m³/h) đặt tại tầng hầm.

Bể xử lý nước thải sơ bộ tháp B có tổng thể tích 268 m³, gồm 5 ngăn: Ngăn chứa (thể tích 123 m³), ngăn lắng 1 (thể tích 56 m³), ngăn lắng 2 (thể tích 52 m³) (bể tự hoại), ngăn (bể) tách dầu mỡ (thể tích 24 m³), ngăn bơm (thể tích 13 m³, gồm 2 bơm chìm công suất mỗi bơm 30 m³/h) đặt tại tầng hầm.

Nước thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ sẽ được bơm theo đường ống uPVC DN100 mm đầu nối vào hố ga kích thước 1x1x1 m => Đường ống HDPE D200 mm, dài 28 m => Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải HDPE D200 mm trên đường Thuận Giao

25 (đường D16) => Đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Thuận An – Chi nhánh Nước thải Thuận An.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, vớt rác, dầu mỡ tại ngăn tách mỡ của bể xử lý nước thải sơ bộ.
- Báo ngay cho cơ quan có chức năng khi xảy ra sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 3.1. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
- 3.2. Đảm bảo thu gom và đầu nối nước mưa theo phương án đã được chấp thuận.
- 3.3. Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh và đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thuận An, không xả trực tiếp ra môi trường.
- 3.4. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.
- 3.5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi chịu trách nhiệm đóng phí dịch vụ xử lý nước thải cho Dự án Chung cư Thuận Giao theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: máy phát điện có công suất 800 kVA số 1 đặt tại tầng hầm.
- Nguồn số 02: máy phát điện có công suất 800 kVA số 2 đặt tại tầng hầm.
- Nguồn số 03: Khu vực công trình xử lý nước thải sơ bộ tháp A (từ máy bơm).
- Nguồn số 04: Khu vực công trình xử lý nước thải sơ bộ tháp B (từ máy bơm).
- Nguồn số 05: hoạt động của quạt thông gió số 01 tại tầng hầm.
- Nguồn số 06: hoạt động của quạt thông gió số 02 tại tầng hầm.
- Nguồn số 07: hoạt động của quạt thông gió số 03 tại tầng hầm.
- Nguồn số 08: hoạt động của quạt thông gió số 04 tại tầng hầm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ X = 1211853,2357; Y = 605772,1202.
- Nguồn số 02: tọa độ X = 1211794,6034; Y = 605783,9190.
- Nguồn số 03: tọa độ X = 1211910,6960; Y = 605757,2173.
- Nguồn số 04: tọa độ X = 1211890,9523; Y = 605806,0671.
- Nguồn số 05: tọa độ X = 1211857,9529; Y = 605752,5201.
- Nguồn số 06: tọa độ X = 1211860,8009; Y = 605796,3717.
- Nguồn số 07: tọa độ X = 1211805,2598; Y = 605822,8201.
- Nguồn số 08: tọa độ X = 1211801,0409; Y = 605783,9569.

(hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án; thiết kế hệ thống cách âm cho phòng máy phát điện bằng vật liệu chống ồn, lắp đặt buồng tiêu âm cho máy phát điện, lắp đặt các ống bộ giảm thanh cho máy phát.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Máy phát điện được lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	597
2	Dầu, nhớt, mỡ thải	Lỏng	16 01 08	NH	70
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	16 01 09	KS	177
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	16 01 10	KS	398
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	356
6	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có linh kiện điện tử thải; đèn led	Rắn	16 01 13	NH	792
7	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 01	KS	276
8	Bao bì kim loại cứng có các thành phần nguy hại (chai xịt côn trùng, chai xịt phòng, nguy hại: chai xịt côn trùng, chai xịt phòng, chai lọ đựng hóa chất, vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật...)	Rắn	18 01 02	KS	193
9	Bao bì nhựa thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	KS	359

10	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	177
	Tổng				3.395

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ	-	55.845
2	Dầu mỡ thải từ ngăn tách dầu, mỡ	12 06 11	3.650
Tổng khối lượng			59.495

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn, ...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 2.819 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng rác màu đỏ loại 120 lít có nắp đậy, không rò rỉ, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 khu chứa chất thải nguy hại, diện tích 11,85 m² (*bố trí tại tầng hầm của chung cư*).

- Thiết kế cấu tạo của khu chứa chất thải nguy hại: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín kít, không bị thấm thấu, có gờ chống tràn đổ, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; che kín nắng, mưa; biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm*), trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật, có vật liệu hấp phụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*),... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 06 tháng/lần.

- Trang bị 01 thùng loại 240 lít (*có nắp đậy*) để lưu chứa dầu, mỡ thải, định kỳ 01 tháng/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại từng tầng của khu chung cư: Trang bị tại mỗi phòng chứa rác từng tầng 01 thùng chứa màu xanh loại 120 lít chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu vàng loại 120 lít chứa chất thải rắn sinh hoạt cần xử lý.

- Đối với kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung số 1 tại tầng 1 của khu chung cư: Trang bị 4 thùng chứa màu xanh loại 660 lít chứa chất thải thực phẩm; 2 thùng chứa màu vàng loại 660 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung số 2 tại tầng 1 của khu chung cư: trang bị 5 thùng chứa màu xanh loại 660 lít chứa chất thải thực phẩm; 2 thùng chứa màu vàng loại 660 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với khu chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế bố trí tại tầng hầm: trang bị 7 thùng chứa màu vàng loại 120 lít.

2.3.2. Kho/ Khu vực lưu chứa:

- Tại mỗi tầng của mỗi tháp bố trí 02 phòng chứa rác diện tích 2 m²/phòng với thiết kế cấu tạo: Vách tường ốp gạch bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, một ống gió bằng chất liệu tole với kích thước 300 x 250 mm, có trang bị 1 vòi nước và bố trí miệng phễu thu nước sàn với kích thước 150x150 mm, có cửa ra vào để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

- Khu chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được bố trí tại tầng hầm: Diện tích: 11,2 m²; kết cấu nền bê tông chống thấm, có dán nhãn, tạo thuận lợi cho công tác lưu chứa các thành phần chất thải phát sinh khác nhau. Độ cao nền đảm bảo không bị ngập, có rãnh ngăn tràn đổ và có phễu thu gom chất thải; có trang bị các nhãn dán cảnh báo, bình chống cháy loại dùng khí CO₂ và bột chống cháy để đảm bảo phòng ngừa khả năng cháy nổ.

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư: Gồm có 02 kho, mỗi tháp bố trí 01 kho, mỗi kho diện tích 15 m² với thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch bao xung quanh; nền gạch chống thấm, không rạn nứt, có trang bị 1 vòi nước và bố trí mương nước trên sàn B200 mm, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu chung cư; hướng dẫn các hộ dân, khu thương mại dịch vụ, trường học, khu sinh hoạt cộng đồng thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Các hộ dân sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại bỏ vào 02 thùng rác được dán nhãn theo từng loại đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng. Định kỳ hàng ngày, nhân viên của tòa nhà sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của mỗi tầng lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư bằng thang kỹ thuật.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với chất thải nguy hại và chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế sau khi

đã phân loại, người dân sẽ tự mang đến khu lưu chứa được bố trí tại tầng hầm của khu chung cư.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Cam kết đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án (hạ tầng giao thông, thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải tại từng tầng và khu vực lưu giữ tập trung, các bể xử lý nước thải sơ bộ,...) đáp ứng khi dự án đi vào hoạt động.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./